

**TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**  
**BAN TUYÊN GIÁO**

\*

**Số 1545 CV/BTGTU**

*Gửi Đề cương tuyên truyền kỷ niệm  
30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân  
và 75 năm Ngày thành lập Quân đội  
nhân dân Việt Nam*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Quảng Ngãi, ngày 4 tháng 12 năm 2019*

- Kính gửi:* - Báo cáo viên Tỉnh ủy,  
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thành ủy,  
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,  
- Sở Thông tin và Truyền thông,  
- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch,  
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

-----

Ngày 06/11/2019, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã ban hành Hướng dẫn số 94-HD/BTGTU về tuyên truyền kỷ niệm 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 - 22/12/2019) và 75 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2019), nay Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy gửi Đề cương tuyên truyền đến các đồng chí báo cáo viên Tỉnh ủy và các địa phương, đơn vị để thực hiện việc tuyên truyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng TT;
- Lưu VT.

**K/T TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Văn Dũng**

**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN  
30 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN  
VÀ 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

**Phần thứ nhất  
30 NĂM THỰC HIỆN NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN  
(22/12/1989 - 22/12/2019)**

----

**1. Lịch sử và ý nghĩa Ngày hội Quốc phòng toàn dân**

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nhất là các cuộc khởi nghĩa, các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do nhân dân ta tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bất kỳ giai đoạn nào, phải đương đầu với kẻ thù hung bạo đến đâu, nếu cổ vũ, động viên, quy tụ được sức mạnh toàn dân thì dân tộc ta đều giành thắng lợi vĩ đại, bảo đảm sự bền vững của độc lập, tự do, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Xuất phát từ vai trò của công tác tuyên truyền, cổ vũ, động viên toàn dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đồng thời thể theo nguyện vọng của quân và dân cả nước, ngày 17/10/1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng (*khóa VI*) đã ra Chỉ thị số 381-CT/TW và quyết định lấy ngày 22/12 - Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam là Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Ngày 22/12/1989, lần đầu tiên Ngày hội Quốc phòng toàn dân được tổ chức tại tất cả các địa phương trong cả nước. Từ đó đến nay, ngày 22/12 đã trở thành ngày hội lớn của toàn dân tộc với các hoạt động hướng vào chủ đề quốc phòng và quân đội.

Lấy ngày 22/12 là Ngày hội Quốc phòng toàn dân là chủ trương lớn, quan trọng của Đảng, Nhà nước; tiếp tục khẳng định quan điểm toàn dân tham gia xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đây thực sự là ngày hội của truyền thống dựng nước và giữ nước, ngày hội tôn vinh và nhân lên hình ảnh cao đẹp “*Bộ đội Cụ Hồ*”, một nét độc đáo của văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Ngày hội Quốc phòng toàn dân là dịp để tuyên truyền sâu rộng truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc và phẩm chất cao đẹp “*Bộ đội Cụ Hồ*”, giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Từ đó, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn dân trong tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, cổ vũ, động viên toàn dân chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh trên từng địa phương, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh trong tình hình mới.

**2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong tình hình mới**

Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh được hình thành và phát triển qua các kỳ Đại hội IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII của Đảng, cụ thể:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) khẳng định: *“Để bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của Tổ quốc, trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng ta phải tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Sức mạnh quốc phòng của nhân dân ta là sức mạnh của đường lối chính trị, quân sự của Đảng, là sức mạnh tổng hợp, toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng”*.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) xác định: *“Phải xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại dựa trên cơ sở không ngừng củng cố và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt. Chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Đó là yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp của công cuộc bảo vệ Tổ quốc”*.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) chỉ rõ: *“Tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và hậu phương ngày càng vững mạnh...”*, nhằm mục tiêu: Tăng cường tổ chức bảo vệ chủ quyền và giữ vững các tuyến biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo. Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng ta xác định công cuộc bảo vệ tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng; bằng mọi phương tiện cần thiết, trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị..., phải chú trọng tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy vai trò, hiệu lực lãnh đạo của Đảng, thể chế hóa đường lối chính sách của Đảng đối với quốc phòng. Các cấp, các ngành phải thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, coi đó là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) đã đề ra định hướng lớn về quốc phòng - an ninh: *“Nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và*

*của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt, tinh nhuệ”.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996) xác định: *“Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thể trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội”.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) xác định: *“Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân... Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt”.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4/2006) xác định: *“Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ...”*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) xác định: *“Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp với thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát huy đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01/2016) xác định mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh là: *“Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập,*

chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội” ... Đồng thời, Đại hội cũng chỉ rõ: “Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc”; “Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân”.

Như vậy, qua các kỳ Đại hội, cùng với việc đề ra đường lối, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, đối ngoại, xây dựng Đảng; Đảng ta luôn chú trọng, quan tâm lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc và khẳng định sức mạnh của toàn dân có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

### **3. Những thành tựu cơ bản qua 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân**

*Một là*, ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc được nâng cao.

Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn. Nhân dân đồng thuận, tin tưởng, đoàn kết và không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thông qua Ngày hội Quốc phòng toàn dân, tinh thần cảnh giác của nhân dân trước mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được nâng lên rõ rệt. Công tác tuyên chọn và động viên thanh niên hăng hái tham gia nhập ngũ, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, được các địa phương, đơn vị tổ chức như một ngày hội phát huy truyền thống giữ nước của dân tộc. Thông qua công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức, quốc phòng, an ninh đã góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

*Hai là*, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới cho thấy, không thể có thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới đất nước nếu không kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược này quan hệ chặt chẽ với nhau, trong mối quan hệ biện chứng. Bảo vệ độc lập dân tộc, an ninh quốc gia gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải kiên định mục tiêu, con đường đã chọn; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Qua hơn 30 năm đổi mới, cùng với những thành tựu về đổi mới tư duy lý luận nói chung, Đảng ta đã có nhiều đổi mới và nhận thức toàn diện về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá diễn biến của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, dự báo chính xác các tình huống liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh những năm gần đây, Đảng ta đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quân sự Việt Nam, Chiến lược quốc phòng Việt Nam, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia... phù hợp với tình hình mới.

*Ba là*, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường, tăng thêm khả năng ngăn chặn, loại trừ nguy cơ chiến tranh và khả năng đối phó thắng lợi các tình huống chiến tranh, các tình huống xâm phạm an ninh quốc gia, nếu xảy ra.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường không chỉ bằng sức mạnh quân sự đơn thuần, sức mạnh của riêng các lực lượng vũ trang, của Quân đội nhân dân, mà còn bởi sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân gắn với sức mạnh của nền an ninh nhân dân; được tạo điều kiện và hợp lực bởi sức mạnh của chính trị, tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; sức mạnh của tất cả các lực lượng và tiềm lực trên tất cả các lĩnh vực. Thực tiễn 30 năm qua cho thấy, các thế lực thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đòi “phi chính trị hóa” quân đội, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Song, nhờ có sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh của đất nước được tăng cường một cách toàn diện, nên đã ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống chiến tranh nếu xảy ra, cả chiến tranh thông thường cũng như chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao với mọi quy mô, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống.

*Bốn là*, xây dựng thế chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phù hợp trong điều kiện mới; thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được triển khai rộng khắp, chặt chẽ và liên hoàn; “*thế trận lòng dân*” được củng cố vững chắc.

Các cấp, các ngành, các địa phương đã quan tâm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Các tỉnh, thành phố trong cả nước đã tích cực huy động các nguồn lực đầu

tư vào việc xây dựng và hoàn thiện khu vực phòng thủ nhằm xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố ngày càng vững chắc. Sự hoàn chỉnh của khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố đã góp phần tạo nên thế trận phòng thủ liên hoàn, vững chắc trên toàn quốc, làm cơ sở để chuyển hóa từ thế trận quốc phòng toàn dân sang thế trận chiến tranh nhân dân khi có tình huống xảy ra. Trên mỗi địa bàn chiến lược, mỗi hướng chiến lược đã tổ chức hình thành thế bố trí chiến lược quốc phòng, an ninh gắn với phân vùng kinh tế trên địa bàn chiến lược tạo thành hậu phương của địa bàn. Bảo đảm trong thời bình, đất nước có thể xây dựng và củng cố lực lượng quốc phòng, an ninh đủ mạnh để làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” kết hợp với bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Khi có chiến tranh xảy ra, đất nước có thể phát huy mọi khả năng vốn có của các lực lượng, phương tiện, thực hành cơ động chiến lược kịp thời và linh hoạt, bảo đảm chỉ huy và hiệp đồng tác chiến thống nhất, thông suốt, đồng thời nâng cao khả năng độc lập, tác chiến trên từng địa bàn, kể cả khi bị địch bao vây, chia cắt lực lượng ta. Cả nước đã kết hợp chặt chẽ việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tận dụng ưu thế địa hình tự nhiên sẵn có để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. Đối với việc xây dựng và củng cố thế trận an ninh nhân dân hiện nay, chúng ta đã kiện toàn tổ chức, biên chế, đổi mới xây dựng lực lượng công an nhân dân đủ mạnh để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Cùng với việc xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, chúng ta đã ra sức xây dựng và củng cố “thế trận lòng dân” vững chắc. Từ đó, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân được củng cố; lòng tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý xã hội của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, đối với sự nghiệp đổi mới, vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không ngừng được nâng cao.

“Thế trận lòng dân” là bức “tường thành” vững chắc, bảo đảm cho đất nước ta có đủ sức mạnh đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, không để xảy ra chiến tranh và đó cũng là nhân tố bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Năm là, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Quân đội nhân dân có **chất lượng tổng hợp** và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, phát huy được vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng được củng cố. Lực lượng vũ trang mà nòng cốt là quân đội nhân dân có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đã kịp thời ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; đồng thời trực tiếp tham gia lao động sản xuất có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước. Hiện nay, quân đội ta đã được điều chỉnh về tổ chức, biên chế bảo đảm chặt chẽ, khoa học với đầy đủ các lực lượng, thành phần, cơ cấu hợp lý; được trang bị các

phương tiện, vũ khí, trang bị kỹ thuật tương đối hiện đại, huấn luyện thuần thục, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao, khả năng cơ động nhanh, tác chiến hiệu quả trên không, trên bộ, trên biển và không gian mạng. Toàn quân luôn đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu. Công tác huấn luyện của các đơn vị luôn được coi trọng và tiếp tục đổi mới toàn diện. Công tác nghiên cứu khoa học nghệ thuật quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự tiếp tục được đẩy mạnh và đổi mới theo hướng cập nhật thực tiễn, nhất là các loại hình chiến tranh, xung đột vũ trang và các hình thức tác chiến mới. Công nghiệp quốc phòng đạt được một số kết quả quan trọng; trình độ công nghệ, năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm được nâng lên. Công tác bảo đảm hậu cần trong các đơn vị quân đội được quan tâm chỉ đạo, tổ chức chặt chẽ, đời sống bộ đội được cải thiện rõ rệt, thể trạng hậu cần được bổ sung, hoàn chỉnh theo phương án, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Cùng với xây dựng quân thường trực vững mạnh, lực lượng dự bị động viên được xây dựng hùng hậu, dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Những thành tựu cơ bản đạt được sau 30 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước; sức mạnh về mọi mặt được tăng cường, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

## **Phần thứ hai**

### **QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM - 75 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN THẮNG**

**(22/12/1944 - 22/12/2019)**

#### **1. Quân đội nhân dân Việt Nam ra đời, cùng toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1944 - 1954)**

##### ***1.1. Sự ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân - đội quân chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam (ngày 22/12/1944)***

Ngay từ khi ra đời (03/02/1930), Đảng ta đã quán triệt sâu sắc học thuyết Mác - Lênin về bạo lực cách mạng của giai cấp vô sản. Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng đã khẳng định con đường đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc là dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền và yêu cầu phải “*tổ chức ra quân đội công nông*” để làm nòng cốt cho toàn dân tiến hành đấu tranh cách mạng. Luận cương chính trị của Đảng (10/1930) cũng chỉ rõ nhiệm vụ: “*Lập quân đội công nông*” và “*tổ chức đội tự vệ của công nông*”. Trong phong trào cách mạng 1930-1931, mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh, từ lực lượng khởi nghĩa của công nông, Đội tự vệ công nông (*Tự vệ Đỏ*) đã ra đời. Đó là mầm mống đầu tiên của lực



lượng vũ trang cách mạng Việt Nam. Những năm 1940 - 1945, hàng loạt tổ chức vũ trang được thành lập như: Đội du kích Bắc Sơn (Lạng Sơn), du kích Nam Kỳ, đội du kích Ba Tơ (Trung Kỳ), đội Du kích Pắc Pó (Cao Bằng), Cứu Quốc quân. Sự phát triển mạnh mẽ, rộng khắp và trưởng thành của phong trào đấu tranh cách mạng đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải có một đội quân chủ lực thống nhất về mặt tổ chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc.

Trước những yêu cầu thực tiễn của cách mạng, ngày 22/12/1944, tại khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (*nay là xóm Nà Sang, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*), Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập, gồm 34 người, biên chế thành 3 tiểu đội do đồng chí Hoàng Sâm làm Đội trưởng, đồng chí Xích Thắng làm Chính trị viên. Đội có chi bộ Đảng lãnh đạo.

Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Đảng (*tháng 4/1945*) đã quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trên cả nước (*hợp nhất Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang khác*), thành lập Việt Nam Giải phóng quân. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam Giải phóng quân được đổi tên thành Vệ quốc đoàn, rồi Quân đội quốc gia Việt Nam (1946), đến năm 1950 được đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 22/12/1944 được lấy làm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

### **1.2. Đánh thắng hai trận đầu (Phai Khắt, Nà Ngần), làm nòng cốt cùng toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám (1944 - 1945)**

Ngay sau ngày thành lập, 17 giờ ngày 25/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã mưu trí, táo bạo, bất ngờ đột nhập vào đồn Phai Khắt (*đóng tại tổng Kim Mã, châu Nguyên Bình - nay thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*) và 7 giờ sáng hôm sau (*ngày 26/12*) lại đột nhập đồn Nà Ngần (*đóng tại xã Cẩm Lý, châu Nguyên Bình - nay thuộc xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*), tiêu diệt hai tên đồn trưởng, bắt sống toàn bộ binh lính địch trong hai đồn, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng. Chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần đã mở đầu cho truyền thống đánh tiêu diệt, **đánh chắc thắng, đánh thắng** trận đầu của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 19/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang Thủ đô cùng đông đảo nhân dân Hà Nội bùng bùng khí thế xuống đường đấu tranh, tổ chức mít tinh tại Quảng trường Nhà hát thành phố. Hà Nội đổ rục rờ cách mạng. Cuộc mít tinh mau chóng chuyển thành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền thắng lợi. Thắng lợi ở Hà Nội đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ các địa phương nổi dậy giành chính quyền. Chỉ trong một thời gian ngắn, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã giành thắng lợi trong cả nước, chính quyền cách mạng của nhân dân được thành lập từ Trung ương đến địa phương.

### **1.3. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân bảo vệ chính quyền cách mạng và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)**

- *Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946):*

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước tình thế phức tạp với những khó khăn chồng chất. Cùng một lúc, chúng ta phải đối phó với cả “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”. Ở Nam Bộ, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp được sự giúp sức của quân Anh và quân Nhật đã trắng trợn nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Tại Bắc Bộ và Trung Bộ, từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 10/1945, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch đã chiếm đóng hầu hết các thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra.

Theo Sắc lệnh số 71 ngày 25/5/1946, Vệ quốc đoàn chính thức trở thành Quân đội quốc gia của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, biên chế thống nhất thành trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội. Cùng với 25 chi đội ở Nam Bộ, lúc này ở Bắc Bộ và Trung Bộ có 30 trung đoàn, tổng quân số lên tới 8 vạn người. Toàn quốc chia thành 12 chiến khu. Hệ thống tổ chức đảng trong Quân đội được thành lập từ Trung ương Quân ủy đến chi bộ.

Vừa xây dựng, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, Vệ quốc đoàn và lực lượng tự vệ đã anh dũng trong đấu tranh vũ trang, vững vàng trong đấu tranh chính trị, thực hiện tốt nhiệm vụ chống giặc ngoài thù trong, góp phần bảo vệ vững chắc chính quyền nhân dân, xứng đáng là công cụ bạo lực của Đảng và Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong những năm đầu của chính quyền cách mạng.

- *Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia toàn quốc kháng chiến, cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp (1946 - 1947)*

Tháng 11/1946, thực dân Pháp tăng thêm quân, đổ bộ lên Đà Nẵng, Đồ Sơn, Cát Bà. Để thực hiện chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh”, sau khi nổ súng ở Hải Phòng và Lạng Sơn (ngày 20/11/1946), chúng ráo riết chuẩn bị lực lượng hùng đánh úp các cơ quan đầu não của ta tại Hà Nội, tiêu diệt bộ đội Vệ quốc đoàn và tự vệ tại các thành phố lớn, đồng thời đánh chiếm những địa bàn chiến lược ở Trung Bộ và Bắc Bộ.

Đêm 19 rạng ngày 20/12/1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Với tinh thần: “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, các chiến sĩ vệ quốc quân, Công an xung phong, tự vệ đã chiến đấu rất dũng cảm trên nhiều trận chiến tại Hà Nội và ở: Vinh, Nam Định, Huế, Đà Nẵng đã tiêu hao, tiêu diệt và giam chân một lực lượng lớn quân địch, tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào kháng chiến lâu dài

Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp đã huy động hơn hai vạn quân tinh nhuệ có máy bay, tàu chiến hỗ trợ, mở chiến dịch bất ngờ tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta, kết thúc “chớp nhoáng” cuộc chiến tranh xâm lược. Sau hơn hai tháng chiến đấu (từ ngày 7/10 đến ngày 20/12/1947), ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, bắn rơi 18 máy bay, bắn chìm, bắn cháy 50 tàu, ca nô, phá hủy 255 xe cơ giới, thu hàng nghìn súng các loại. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta; đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn và làm phá sản chiến lược “Đánh nhanh,

*thắng nhanh*” của Pháp; bảo toàn và phát triển bộ đội chủ lực, bảo vệ cơ quan đầu não và căn cứ địa của cả nước, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển sang một thời kỳ mới.

*- Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại âm mưu bình định và phản công của địch (1948 - 1952)*

Sau chiến dịch Việt Bắc, ta chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng khắp và thực hiện “*đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung*”. Qua chiến đấu (1948 – 1950), quân đội ta đã tiến bộ nhiều về phương diện tác chiến và xây dựng lực lượng. Cuối năm 1949 đầu năm 1950, trước tình hình thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, có lợi cho cuộc kháng chiến, Đảng ta đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị lực lượng để chuyển sang tổng phản công.

Tháng 6/1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên Giới nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, mở đường giao lưu quốc tế.

Vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng, quân đội ta không ngừng phát triển và lớn mạnh, nhiều đại đoàn chủ lực được thành lập như: Đại đoàn 312 (12/1950), Đại đoàn 320 (01/1951), Đại đoàn 316 (5/1951) và Đại đoàn công pháo 351 (5/1951).

Đầu tháng 11/1951, Tổng Quân ủy mở chiến dịch Hòa Bình, phá vỡ phần lớn kết quả “*bình định*” đồng bằng Bắc Bộ trong cả năm 1951 của địch. Trong chiến dịch này, bộ đội ta có bước tiến bộ mới về trình độ chiến thuật, kỹ thuật, về khả năng chiến đấu liên tục dài ngày, về sự phối hợp tác chiến giữa ba thứ quân.

Tại Trung Bộ và Nam Bộ, bộ đội ta đã đứng vững trên các địa bàn, cùng du kích chống càn quét và tiến công các căn cứ địch; góp phần tiêu hao, tiêu diệt, kiềm chế một bộ phận quan trọng lực lượng quân sự của địch, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta, mở rộng nhiều vùng căn cứ, đánh bại âm mưu bình định của địch.

Đầu tháng 9/1952, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Tây Bắc, nối thông với căn cứ địa Việt Bắc và Thượng Lào. Ta giữ vững thế chủ động tiến công, làm thất bại âm mưu mở rộng chiếm đóng của địch.

*- Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân giành thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ*

Trước những thay đổi trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương và trên cơ sở đánh giá đúng tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch, tháng 9/1953 Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954. Thực hiện chủ trương trên, các đơn vị chủ lực phối hợp mở đợt tiến công mạnh mẽ trên các chiến trường, hình thành năm đòn tiến công chiến lược tại Lai Châu, Trung Lào, Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia, Tây Nguyên và Thượng Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, làm phá sản âm mưu tập

trung lực lượng cơ động của Na-va, buộc chúng phải căng ra đôi phó ở khắp nơi; ta đã hoàn toàn nắm quyền chủ động, kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

Ngày 06/12/1953, Bộ Chính trị họp quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, quân và dân ta đã đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; giáng đòn quyết định, tạo bước ngoặt lịch sử làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh giữa ta và địch; trực tiếp đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; chấm dứt hoàn toàn ách xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước ta và toàn Đông Dương; bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng tháng Tám. Miền Bắc được giải phóng, tạo cơ sở và điều kiện vững chắc để quân và dân ta tiến lên giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

## **2. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)**

### ***2.1. Quân đội nhân dân Việt Nam tiến lên chính quy, từng bước hiện đại; cùng toàn dân xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa; giữ gìn, phát triển lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam (1954 - 1960)***

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, Quân đội ta bước vào xây dựng theo Kế hoạch quân sự 5 năm lần thứ nhất (1955 - 1960). Đến năm 1960, Quân đội ta đã hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch quân sự 5 năm lần thứ nhất; có bước trưởng thành mới, từ lực lượng chủ yếu là bộ binh với tổ chức chưa thật thống nhất, vũ khí trang bị còn thiếu thốn đã trở thành Quân đội chính quy, gồm các quân chủng: Lục quân, Hải quân, Phòng không - Không quân.

Tháng 6/1954, Mỹ dựng chính phủ Ngô Đình Diệm ở miền Nam và ráo riết thực hiện chính sách khủng bố tàn bạo, gây ra những tổn thất nặng nề cho cách mạng miền Nam. Trước tình hình đó, tháng 01/1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam và vạch rõ con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng.

Tháng 8/1959, nhân dân nhiều xã trong huyện Trà Bồng (*Quảng Ngãi*) được các đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh hỗ trợ, nổi dậy khởi nghĩa diệt ác, trừ gian, giành chính quyền ở một số thôn, xã. Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan sang các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ... Tháng 1/1960, Tỉnh ủy Bến Tre phát động toàn dân "*Đông Khởi*", diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ. Phong trào Đông Khởi đã nhanh chóng lan rộng ở Nam Bộ, Khu 5, Tây Nguyên... Thắng lợi của phong trào Đông Khởi có ý nghĩa rất quan trọng, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ, hình

thành một cao trào cách mạng đồng khởi vũ trang của quần chúng ở các vùng nông thôn.

Từ phong trào Đồng Khởi, các lực lượng vũ trang nhân dân của ta ở miền Nam phát triển nhanh chóng. Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Để thống nhất các lực lượng vũ trang nhân dân ở chiến trường miền Nam, ngày 15/2/1961, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, bộ phận trực tiếp của Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chiến đấu ở miền Nam.

## ***2.2. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1961 - 1965)***

Từ năm 1961, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược quân sự toàn cầu, từ “*trả đũa ở ạt*” sang “*phản ứng linh hoạt*” và miền Nam Việt Nam được Mỹ dùng làm nơi thử nghiệm chiến lược này với tên gọi “*Chiến tranh đặc biệt*”. Được cố vấn Mỹ chỉ huy và dựa vào hỏa lực Mỹ chi viện, quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân đánh phá vùng giải phóng, gom dân lập “*ấp chiến lược*”. Quân và dân ta đã đánh 15.525 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 28.966 tên, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Tiêu biểu là chiến thắng Ấp Bắc (01/1963), mở đầu cho sự thất bại của chiến thuật “*trục thẳng vận*”, “*thiết xa vận*”, mở ra phong trào “*Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công*” sôi nổi khắp miền Nam, làm cho chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ đứng trước nguy cơ bị phá sản.

Sau khi dựng lên sự kiện “*Vịnh Bắc Bộ*” (8/1964), đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân lần thứ nhất hòng ngăn chặn sự chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Ngày 05/8/1964, chúng mở cuộc tiến công “*Mũi tên xuyên*”, sử dụng 64 lần/chiếc máy bay đánh phá ở ạt các khu vực sông Gianh (*Quảng Bình*), Cửa Hội (*thành phố Vinh*), Lạch Trường (*Thanh Hóa*), Bãi Cháy (*Quảng Ninh*). Với tinh thần cảnh giác cao, chuẩn bị tốt về mọi mặt, các đơn vị hải quân, phòng không, dân quân tự vệ đã mưu trí, dũng cảm chiến đấu, bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương nhiều chiếc khác. Trận đầu đánh thắng không quân Mỹ đã cổ vũ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của quân dân cả nước. Ngày 5/8 trở thành Ngày truyền thống đánh thắng trận đầu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Tháng 10/1964, các lực lượng vũ trang miền Nam mở đợt hoạt động Đông - Xuân 1964 - 1965, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân chủ lực nguy, mở rộng vùng giải phóng. Với chiến thắng Bình Giã (2/12/1964 - 3/01/1965), Ba Gia (5/1965), Đồng Xoài (10/5 - 22/7/1965), chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ bị phá sản, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta bước sang một giai đoạn mới.

## ***2.3. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)***

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ vào trực tiếp tham chiến trên chiến trường miền Nam. Theo sau quân Mỹ là 20.000 quân đồng minh. Toàn bộ mục tiêu chiến lược của Mỹ là “*tìm và diệt*” chủ lực Quân giải phóng và cơ quan chỉ đạo cách mạng miền Nam, “*bình định*” miền Nam, uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân Việt Nam, buộc Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa phải ngồi vào bàn đàm phán theo những điều kiện áp đặt của Mỹ.

Trước tình hình đó, ngày 24/4/1965, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho các lực lượng vũ trang trên chiến trường miền Nam tăng cường xây dựng lực lượng, đẩy mạnh tác chiến của bộ đội chủ lực, mở những đợt hoạt động quy mô chiến dịch cùng lúc trên nhiều hướng, kết hợp tiến công quân sự với khởi nghĩa của quần chúng ở từng khu vực. Vừa xây dựng, vừa chiến đấu và phát triển lực lượng, bộ đội ta trên các chiến trường miền Nam đã tổ chức các trận tiến công, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân quy mô lớn của Mỹ - nguy; mở ra phong trào “*tìm Mỹ mà đánh*”, “*tìm nguy mà diệt*”. Điển hình là các trận đánh quân Mỹ ở Núi Thành (5/1965), Vạn Tường (8/1965), Plâyme (10/1965), Bàu Bàng - Dầu Tiếng (11/1965).

Tháng 10/1966, đế quốc Mỹ quyết định mở cuộc phản công chiến lược nhằm tiêu diệt chủ lực và cơ quan đầu não của cách mạng miền Nam bằng ba cuộc hành quân quy mô lớn: Át-ton-bo-rơ, Xê-đa-phôn và Gian-xơn Xi-ti, tập trung trên một hướng miền Đông Nam Bộ. Dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân phát triển cao, lực lượng vũ trang tại chỗ của ta đã trụ bám trận địa, quần lộn với địch, tiến công rộng khắp bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực Quân giải phóng mở các cuộc tiến công vào chỗ sơ hở, gây cho địch nhiều thiệt hại về sinh lực và phương tiện chiến tranh.

Giữa lúc cuộc chiến tranh leo thang của đế quốc Mỹ đến đỉnh cao nhất, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968). Quân và dân ta tiến công vào hàng loạt mục tiêu nằm sâu trong các đô thị trên toàn miền Nam, gây cho địch thương vong rất nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế trận chiến lược của Mỹ. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân đã đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, làm phá sản chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mỹ về nước. Ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri.

#### **2.4. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)**

Với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ không cam tâm chịu thất bại, từ năm 1969 chúng chuyển sang thi hành “*Học thuyết Ních-xơn*” và chiến

lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”. Trong những năm 1969 - 1972, đế quốc Mỹ sử dụng tối đa sức mạnh quân sự kết hợp với những thủ đoạn chính trị và ngoại giao rất xảo quyệt, hòng giành lại thế mạnh, cô lập và bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Quân và dân ta đã phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến đấu của nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em, giành được những thắng lợi to lớn. Tiêu biểu là chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, chiến dịch Đông Bắc Campuchia (02/1971) trong Xuân - Hè 1971, đã tác động mạnh đến cục diện chiến trường, giáng đòn chí tử vào chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ.

Trước nguy cơ đổ vỡ của quân đội Sài Gòn - xương sống của chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, Ních-xơn buộc phải huy động trở lại lực lượng quân Mỹ vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Chúng tăng số máy bay chiến lược, chiến thuật lên gấp hai lần, tăng số tàu chiến lên gấp ba lần, sử dụng không quân và hải quân Mỹ làm lực lượng chiến đấu trực tiếp, cùng quân đội Sài Gòn phản kích trên chiến trường miền Nam. Ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân, mở cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc lần thứ hai, với hai chiến dịch Lai-nơ Béch-cơ 1 và Lai-nơ Béch-cơ 2 với quy mô lớn và ác liệt hơn. Với tinh thần dũng cảm và cách đánh mưu trí, linh hoạt, quân và dân miền Bắc đã đánh thắng cuộc tập kích chiến lược lần thứ hai bằng pháo đài bay B52 của Mỹ, lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không” tại bầu trời Hà Nội.

Thắng lợi to lớn của quân và dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân, cùng với những thắng lợi trên chiến trường miền Nam đã buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (27/1/1973), cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấm dứt dính líu về quân sự, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam.

### ***2.5. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1973 - 1975)***

Hiệp định Pa-ri được ký kết là một thắng lợi to lớn của quân và dân ta, đồng thời là một thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, với bản chất ngoan cố, đế quốc Mỹ chưa chịu từ bỏ âm mưu duy trì chế độ thực dân mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Dựa vào viện trợ Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức củng cố quân đội, liên tiếp mở các cuộc hành quân “*tràn ngập lãnh thổ*” lần chiếm vùng giải phóng.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, ngày 04/3/1975, bộ đội ta mở chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Ngày 10 và 11/3/1975, quân ta tiến công bằng sức mạnh binh chủng hợp thành, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột. Ngày 14/3 đến ngày 03/4/1975, quân ta tiến công tiêu diệt nhiều vị trí quân địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, Gia Lai và toàn bộ Tây Nguyên. Ngày 05/3/1975, quân ta mở chiến dịch Trị - Thiên - Huế, giải phóng tỉnh Quảng Trị (19/3); từ ngày 21 - 25/3/1975, quân ta tiến công giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch

trên chiến trường Trị - Thiên; ngày 24/3/1975, quân và dân ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Từ ngày 26/3 đến ngày 29/3/1975, quân ta mở chiến dịch Đà Nẵng, giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà và thị xã Hội An (29/3), làm thay đổi hẳn cục diện và so sánh thế trận lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương, bộ đội ta tiến công giải phóng các tỉnh Bình Định, Phú Yên (01/4), Khánh Hòa (03/4), nối liền Tây Nguyên, Trị - Thiên và các tỉnh Trung Bộ.

Trên cơ sở những thắng lợi quyết định, ngày 15/4/1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh nhằm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo: “*Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*”, ngày 26/4, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công đồng loạt vào các mục tiêu, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch. Ngày 28/4, một biên đội máy bay A37 (*phi đội Quyết thắng*) của Binh chủng Không quân đã ném bom sân bay Tân Sơn Nhất, làm quân địch càng thêm hoảng loạn, việc di tản bằng máy bay của chúng bị ngừng trệ. Ngày 29/4, quân ta tiến công tiêu diệt và làm tan rã các sư đoàn chủ lực số 5, 7, 25, 18 và 22 của quân đội ngụy quyền Sài Gòn. 5 giờ sáng ngày 30/4, quân ta mở đợt tiến công thọc sâu vào nội thành Sài Gòn. Vào lúc 10 giờ 45 phút, phân đội xe tăng thọc sâu của Quân đoàn 2 tiến vào dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Cờ Tổ quốc tung bay trước tòa nhà chính của Dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút.

Trong 2 ngày 30/4 và ngày 01/5, bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các Quân khu 8 và 9 nắm thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã hàng ngũ địch, giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, vùng biển và các đảo ở Tây Nam của Tổ quốc. Hơn một triệu quân đội Sài Gòn và cả bộ máy chính quyền địch bị đập tan, chế độ thực dân mới được Mỹ dốc sức xây dựng trong hơn 20 năm với 5 đời tổng thống đã hoàn toàn sụp đổ. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to lớn nhất. Chiến dịch đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội ta cả về tổ chức lực lượng và trình độ chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cùng với các cuộc tiến công trên bộ giành thắng lợi, thực hiện chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, Quân chủng Hải quân đã khẩn trương chuẩn bị lực lượng, tranh thủ thời cơ, mưu trí, táo bạo, bất ngờ tiến công giải phóng quần đảo Trường Sa. Sáng 11/4/1975 ta sử dụng 3 tàu hải quân (673, 674 và 675) chở bộ binh, đặc công, xuất phát từ Đà Nẵng, vượt 800km ra khu vực quần đảo Trường Sa, đêm 13 rạng 14/4 bí mật đổ bộ lên đảo Song Tử Tây, bắt ngờ nổ súng đánh chiếm đảo. Đêm 24/4, ta đưa thêm tàu hải quân 641 đến phối hợp chiến đấu, phát huy yếu tố bí mật, bất ngờ, tiếp tục giải phóng các đảo Sơn Ca (25/4), Nam Yết (27/4), Sinh Tồn (28/4), Trường Sa (29/4). Đây là thắng lợi



có ý nghĩa chiến lược, góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia ở quần đảo Trường Sa, hoàn thành thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

### **3. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975 - 2019)**

#### ***3.1. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên***

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi, các đơn vị quân đội đã phối hợp với Ủy ban quân quản các cấp, khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương; tổ chức cải tạo binh lính, cảnh sát của bộ máy chính quyền cũ, trấn áp các phần tử và tổ chức phản động; truy quét tàn quân địch và FULRO; tích cực tham gia cải tạo công thương nghiệp, bài trừ các tệ nạn xã hội; thu hồi quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật quân sự của địch, xử lý chất độc hóa học, rà phá bom mìn.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế, toàn quân đã bố trí 256.000 cán bộ, chiến sĩ chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế lâu dài. Lực lượng đó đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động, khắc phục khó khăn, gian khổ, thực hiện tốt nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao; đã tham gia xây dựng tuyến đường sắt thống nhất Bắc - Nam; khai hoang xây dựng các vùng kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển các nông trường, lâm trường quốc doanh trên các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ...; xây dựng các công trình thủy lợi; khai thác và chế biến hải sản, xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng và các mặt hàng dân dụng. Các đơn vị sẵn sàng chiến đấu cũng hăng hái lao động sản xuất, góp phần vào xây dựng kinh tế, tăng thêm của cải cho xã hội.

#### ***3.2. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân giành thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, làm tròn nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia và trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc***

Sau 30 năm đoàn kết chiến đấu, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia đã cùng nhau chống kẻ thù chung và giành được thắng lợi hoàn toàn. Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của Campuchia giành thắng lợi, tập đoàn phản động Pôn-Pốt đã dựng lên một chế độ độc tài vô cùng tàn bạo, thực hiện mưu đồ nông cuồng mở rộng đất đai và làm cho Việt Nam mất ổn định; đòi hoạch định lại biên giới Việt Nam - Campuchia; xuyên tạc quan hệ đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương, vu khống Việt Nam, kích động sự hận thù giữa hai dân tộc; thanh trừng nội bộ và thực hiện chính sách phản động làm cho nhân dân Campuchia phải chịu những tai họa khủng khiếp của nạn diệt chủng.

Từ tháng 4/1977, tập đoàn Pôn Pốt phát động cuộc chiến tranh xâm lược vùng biên giới Tây Nam và đến mùa khô năm 1978, chúng đã huy động 19 trong tổng số 20 sư đoàn bộ binh mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới, gây ra nhiều cuộc thảm sát man rợ đối với nhân dân Việt Nam sống dọc biên giới.

Mặc dù hết sức kiềm chế và sau nhiều cố gắng ngoại giao không đạt kết quả, chúng ta buộc phải thực hiện quyền tự vệ chính đáng, kiên quyết đánh trả. Ngày

23/12/1978, quân và dân ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam đã mở cuộc phản công chiến lược, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn-Pốt, đuổi chúng về bên kia biên giới. Đáp lời kêu gọi khẩn thiết của nhân dân và Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đã thực hiện cuộc tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào ngày 07/01/1979 và giải phóng toàn bộ đất nước Campuchia vào ngày 17/01/1979, mở đường cho nhân dân Campuchia hồi sinh, xây dựng lại đất nước. Trong 10 năm (1979-1989), Quân tình nguyện và Chuyên gia Việt Nam đã phát huy tinh thần quốc tế trong sáng, cùng quân dân Campuchia truy quét tàn quân Pôn Pốt, củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, ổn định cuộc sống của nhân dân.

Trong thời gian Quân tình nguyện Việt Nam cùng với các lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia đang truy quét tàn quân Pôn Pốt, ngày 17/2/1979, ở biên giới phía Bắc, Trung Quốc đã huy động hơn 60 vạn quân tiến công trên toàn tuyến biên giới gồm 6 tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tuyên (nay là Hà Giang và Tuyên Quang), Hoàng Liên Sơn (nay là Lào Cai và Yên Bái) và Lai Châu. Trên các hướng, dựa vào thế trận đã chuẩn bị sẵn, các lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ đã phối hợp với một bộ phận bộ đội chủ lực cùng đồng bào các dân tộc vùng biên giới đã anh dũng chiến đấu, bảo vệ vững chắc từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, buộc Trung Quốc phải rút hết quân khỏi nước ta vào ngày 18/3/1979.

### ***3.3. Quân đội ta tiếp tục đẩy mạnh huấn luyện, xây dựng nền nếp chính quy, tham gia phát triển kinh tế - xã hội***

Trong những năm 1980 - 1986, Quân đội ta đã đẩy mạnh công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng nền nếp chính quy. Công tác huấn luyện được tiến hành cơ bản, toàn diện; đã tổ chức hàng trăm cuộc diễn tập tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn với nhiều binh khí kỹ thuật hiện đại trên các địa bàn chiến lược, góp phần rèn luyện, nâng cao khả năng tổ chức chỉ huy của cán bộ và trình độ sẵn sàng chiến đấu của bộ đội.

Hệ thống nhà trường quân đội được củng cố, phát triển đồng bộ và thực hiện nhiệm vụ đào tạo các bậc học, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và nhân viên chuyên môn trong Quân đội theo kịp yêu cầu phát triển mới của đất nước. Công tác nghiên cứu khoa học quân sự, tổng kết chiến tranh được triển khai tích cực; công tác đảng, công tác chính trị từng bước được đổi mới cả về nội dung, hình thức, phương pháp; tập trung xây dựng tổ chức đảng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng gắn với làm tốt công tác cán bộ, công tác chính sách; làm cơ sở tạo nên sức mạnh tổng hợp của Quân đội.

### ***3.4. Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân tiến hành sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa***

Trong hơn 30 năm đổi mới, Quân đội thường xuyên nắm chắc và dự báo đúng tình hình liên quan đến quốc phòng, an ninh; chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng

và Nhà nước hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, ra nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng Chiến lược Quốc phòng Việt Nam, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược An ninh quốc gia, Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược biển Việt Nam, Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng... Tham mưu với Đảng và Nhà nước đề ra đối sách phù hợp, xử lý linh hoạt, đúng đắn các tình huống phức tạp, các vấn đề nhạy cảm về quốc phòng, an ninh, trong quan hệ đối nội và đối ngoại, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược, đồng thời không để cho các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quan hệ tốt với các nước láng giềng; bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Công tác huấn luyện luôn bám sát phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc”, coi trọng huấn luyện khai thác làm chủ vũ khí, trang bị, nhất là vũ khí, trang bị thế hệ mới, hiện đại; kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện chỉ huy cơ quan với xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện bộ đội; huấn luyện với làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra trên biển, biên giới, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa môi trường, cứu hộ, cứu nạn... Tổ chức tốt các cuộc diễn tập chiến lược, chiến dịch, diễn tập khu vực phòng thủ; gắn liền tập với luyện tập các phương án, kế hoạch tác chiến trên các hướng, địa bàn chiến lược. Tổ chức thành công nhiều cuộc diễn tập tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng quy mô lớn, khẳng định sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của Quân đội.

Quân đội đã thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, duy trì và thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu ở tất cả các cấp, bảo vệ và quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, các địa bàn trọng điểm (*Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ*) và các thành phố lớn. Luôn luôn tỉnh táo, chủ động và kiên quyết thực hiện tốt nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là đấu tranh phòng, chống chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và thành quả cách mạng của nhân dân.

Quân đội đã đạt được nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực quốc phòng, tham gia vào phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các ngành công nghiệp, hậu cần, kỹ thuật, dịch vụ... của Quân đội cũng từng bước được đổi mới, phát triển.

Quân đội đã phát huy tốt vai trò nòng cốt xây dựng hệ thống các khu kinh tế - quốc phòng ở những vị trí chiến lược dọc tuyến biên giới, đất liền, ven biển. Đến nay, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của 28 khu kinh tế - quốc phòng và các doanh nghiệp quân đội tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn chiến lược đặc biệt khó khăn dọc biên giới đất liền, trên biển và hải đảo.

Quân đội đã có những đóng góp quan trọng trong thực hiện công tác dân vận, góp phần tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước; tham gia xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội; tích cực giúp nhân dân xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức cảnh giác của các tầng lớp nhân dân, đấu tranh có hiệu quả với mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo của Tổ quốc, củng cố, vun đắp tình đoàn kết các dân tộc, tình đoàn kết hữu nghị với các nước.

Quân đội đã có những đóng góp to lớn trong thực hiện công tác chính sách, nỗ lực phấn đấu làm tốt nhiệm vụ chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, gia đình chính sách, người có công với cách mạng; luôn là lực lượng đi đầu, nêu cao trách nhiệm trong thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.

Công tác đối ngoại quốc phòng, hội nhập quốc tế về quốc phòng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thông qua đối ngoại quốc phòng, Quân đội đã chủ động thúc đẩy quan hệ, hợp tác với các quốc gia láng giềng, với sự tham gia của nhiều thành phần, lực lượng, từ cấp Bộ Quốc phòng đến các quân khu và các quân chủng, binh chủng, Bộ đội Biên phòng trên các khu vực biên giới... tạo ra vành đai an ninh trên các tuyến biên giới đất liền, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Đến nay, Việt Nam có quan hệ quốc phòng với trên 80 nước và tổ chức quốc tế, có 33 Phòng Tùy viên Quốc phòng thường trú tại 32 nước và Liên hợp quốc; thiết lập quan hệ quốc phòng với với tất cả các đối tác chủ chốt, quan trọng; có 50 nước đặt Phòng Tùy viên Quốc phòng tại Việt Nam, trong đó có 27 nước thường trú và 23 nước kiêm nhiệm. Từ năm 2006 đến nay, Quân đội đã tham gia Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN một cách chủ động, tích cực, có trách nhiệm cao, góp phần củng cố vững chắc vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực.

Tại các diễn đàn khu vực, Quân đội đã chủ động, tích cực vận động, thuyết phục, tăng cường trao đổi và bày tỏ quan điểm, lập trường để tranh thủ sự ủng hộ, đồng thuận của quân đội các nước đối với vấn đề chủ quyền và các lợi ích chính đáng, hợp pháp của dân tộc ta, trong đó có vấn đề Biển Đông. Nhờ đó, đã từng bước xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược với các nước, nâng cao hình ảnh, vị thế, uy tín của nước ta và Quân đội trên trường quốc tế, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; góp phần vào việc giữ vững hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

**- Truyền thống chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam**

Trải qua 75 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, cùng với những chiến công mãi mãi ghi vào lịch sử dân tộc như những biểu tượng sáng ngời về một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, phục vụ, Quân đội ta đã xây đắp nên những truyền thống cao đẹp của “*Bộ đội Cụ Hồ*”. Đó là:

- Trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.
- Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.
- Gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí.
- Đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng thống nhất ý chí và hành động.
- Kỷ luật tự giác, nghiêm minh.
- Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công.
- Lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan.
- Luôn luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống.
- Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình.

Nhìn lại chặng đường lịch sử hào hùng 75 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giáo dục, rèn luyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Quân đội ta đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng. Từ 34 chiến sĩ trong Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc đến thời kỳ cả nước bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội và sau đó bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, Quân đội ta ngày càng trưởng thành vững mạnh, hoàn thiện về cơ cấu, có sức mạnh tổng hợp, với các quân chủng, binh chủng hiện đại, các binh đoàn chủ lực cơ động mạnh, đủ khả năng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. Nghệ thuật quân sự, phương pháp tác chiến của Quân đội ta cũng có những phát triển vượt bậc, vừa kết hợp giữa nghệ thuật, cách đánh truyền thống, vừa bổ sung những phương pháp tác chiến hiện đại, góp phần đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi nhất của các thế lực thù địch. Đó là niềm tự hào của cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội, các lực lượng vũ trang nói riêng và của dân tộc ta nói chung, cần phải được gìn giữ và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở thời kỳ mới.

### **Phần thứ ba**

## **TRUYỀN THỐNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH QUẢNG NGÃI**

### **1. Quá trình xây dựng và trưởng thành của lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi qua các thời kỳ**

#### **1.1. Lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Pháp**

Năm 1940, thực dân Pháp chọn Ba Tơ làm một trong ba căn an trí (*Ba Tơ, Di Lãng, Trà Bồng*) để giam giữ tù chính trị và những người yêu nước. Trong tù, một chi bộ Đảng của căn an trí Ba Tơ đã ra đời vào năm 1942 để lãnh đạo phong trào đấu tranh chống lại chế độ hà khắc của nhà tù bằng nhiều hình thức.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương, chớp ngay thời cơ, các chiến sĩ căn an trí Ba Tơ quyết định khởi nghĩa giành chính quyền tại huyện lỵ Ba

Tơ. Đêm 11/3/1945, lực lượng khởi nghĩa gồm 17 cán bộ, chiến sĩ do các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách chỉ huy đã đánh chiếm đồn Ba Tơ, Nha kiểm lý (cơ quan hành chính của huyện), bắt tên kiểm lý cùng bọn nha lại, quân lính thu toàn bộ vũ khí, hồ sơ, tiền bạc, giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 12/3/1945, Đội du kích Ba Tơ ra đời với 28 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Phạm Kiệt làm Đội trưởng, đồng chí Nguyễn Đôn làm Chính trị viên. Đây là đơn vị vũ trang đầu tiên ở Quảng Ngãi do Đảng tổ chức chỉ huy, lãnh đạo và cũng là tiền thân của lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ sau này.

Ngày 15/6/1945, Ban Quân sự tỉnh được thành lập, chịu trách nhiệm trước Đảng bộ trong công tác chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang và xây dựng căn cứ. Sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, Đội du kích Ba Tơ đã chuyển về vùng núi phía Bắc núi Cao Muôn xây dựng chiến khu kháng Nhật ở Nước Sung, Nước Lá, Gò Rinh, xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ. Sau một thời gian củng cố và xây dựng lực lượng, đội du kích Ba Tơ đã chuyển quân về trung châu và chia thành hai đại đội: Hoàng Hoa Thám và Phan Đình Phùng.

Ngày 14/8/1945, tin Nhật đầu hàng đồng minh được lan truyền nhanh chóng trong cả nước. Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh. Chấp hành lệnh khởi nghĩa của Tỉnh ủy, các lực lượng du kích, tự vệ được lệnh tập trung, tổ chức thành lập tiểu đội, trung đội, làm nhiệm vụ “phòng triệt”: chốt chặn các ngã đường, kiểm tra giám sát người qua lại, không cho (hoặc bắt giữ) người lạ mặt vào làng; lập danh sách các tên ác ôn đầu sỏ, phản động sẵn sàng trấn áp bọn chúng khi có lệnh, bảo vệ Ủy ban khởi nghĩa địa phương... Lực lượng vũ trang địa phương cùng với nhân dân trong tỉnh tấn công địch ở khắp nơi như: Trận đánh Nhật ở Xuân Phổ (*Tư Nghĩa*), Mỏ Cày (*Mộ Đức*), Di Lăng (*Sơn Hà*), Trà Bồng, Bình Sơn, Đức Phổ, Minh Long, Ba Tơ... Tại thị xã Quảng Ngãi, ngày 15/8, đến đêm 16 rạng sáng ngày 17/8, toàn bộ lực lượng thân Nhật bị đánh tan rã, buộc chúng phải ký hiệp ước với ta ngày 25/8/1945.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 - 1954), dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang tỉnh nỗ lực khắc phục thiên tai, đẩy mạnh sản xuất tự túc, chống đói và ổn định đời sống của nhân dân. Tích cực xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tỉnh ngày càng lớn mạnh trưởng thành, tập trung giải quyết nhiều vấn đề cấp bách về tổ chức biên chế, xây dựng lực lượng. Triển khai toàn diện các mặt công tác đảng, công tác chính trị, bám sát nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh qua từng giai đoạn, từng đợt học tập, từng chiến dịch cụ thể... Phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, lực lượng vũ trang tỉnh làm nòng cốt thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ hậu phương, trấn áp bạo loạn, giải quyết vụ phiến loạn Sơn Hà, đập tan các cuộc hành quân lấn chiếm của địch ở miền núi, đồng bằng, ven biển, củng cố và phát triển căn cứ địa miền Tây, giữ vững vùng tự do, phối hợp với chiến trường cả nước, quyết tâm tấn công đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Kon Tum trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của địch trên chiến trường Quảng Ngãi.

## 1.2. Lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, cùng với cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, quân và dân Quảng Ngãi đã làm nên những chiến thắng hết sức tiêu biểu, có ý nghĩa to lớn về mặt chiến thuật, chiến dịch và chiến lược trên chiến trường Quân khu V và cả miền Nam, thể hiện tinh thần quật cường, sáng tạo trong cách đánh của quân và dân Quảng Ngãi trong 21 năm chiến đấu chống Mỹ, nguy, bảo vệ quê hương, thống nhất nước nhà.

Ở Quảng Ngãi, từ năm 1954-1958, phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn tồn thất, Mỹ-Diệm liên tục càn quét, đánh phá “*tố cộng*”, “*diệt cộng*” và xây dựng một hệ thống đồn bốt dày đặc khắp các nơi với mục đích đàn áp khủng bố các cuộc đấu tranh của nhân dân và chặn các đường giao thông liên lạc của ta, thực hiện âm mưu thống trị lâu dài. Đứng trước tình hình đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã kịp thời chủ trương chuyển hướng đấu tranh, chỉ thị cho các huyện, xã phải vận dụng và kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, diệt ác phá kìm. Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, phong trào đấu tranh của lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh ngày càng phát triển mạnh mẽ, làm cho kẻ thù hoang mang, lo sợ.

Mở đầu cho việc phát động nhân dân chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc ở Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng vào ngày 07/7/1958 để biểu thị khối đoàn kết nhất trí của nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi trong cuộc đấu tranh chống Mỹ-Diệm.

Để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng và tạo điều kiện tiêu diệt địch, bảo vệ vùng căn cứ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định thành lập các đơn vị: 339, 89 và 229 làm nòng cốt cùng nhân dân các dân tộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở miền Tây Quảng Ngãi.

Trong lúc Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi ra sức chuẩn bị, quyết tâm vũ trang khởi nghĩa, Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, khẳng định: “*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực...*”. Quán triệt, vận dụng nghị quyết của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định tiến hành cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vào ngày 28/8/1959. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã phá vỡ hệ thống đồn bốt của địch ở miền rừng núi Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, góp phần đánh bại chiến tranh đơn phương của địch, hòa nhịp chung vào khí thế của phong trào đồng khởi trên toàn miền Nam.

Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, quân và dân Quảng Ngãi tiếp tục chiến đấu, bảo vệ, giữ vững thành quả cách mạng và lập được nhiều chiến công hiển hách, có tính quyết định đối với chiến trường khu V. Trong đợt hoạt động hè 1965, mà đỉnh cao là chiến thắng Ba Gia vang dội ngày 31/5/1965, cùng với lực lượng vũ trang Quân khu 5, quân và dân Quảng Ngãi đã tiêu diệt một chiến đoàn hỗn hợp, một trung đoàn lính địch ở các điểm Gò Cao, Chóp Nón, núi Khi (*Sơn Tịnh*), góp phần cùng toàn miền Nam làm phá sản hoàn toàn chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ.

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của nguy quân, nguy quyền ở miền Nam, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh, thực hiện chiến lược “**Chiến tranh cục bộ**” và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Song, ở Quảng Ngãi lính Mỹ thực sự khiếp sợ trong cuộc đối đầu với quân giải phóng. Trận Vạn Tường ngày 18/8/1965 đã bẻ gãy cuộc hành quân Starlight (*ánh sao*) của đế quốc Mỹ, quân ta tiêu diệt 919 tên xâm lược Mỹ, bắn rơi 13 máy bay, bắn cháy 22 xe tăng, thu nhiều quân trang, quân dụng của địch...

Cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt Xuân Mậu Thân 1968 tạo đà cho quân và dân Quảng Ngãi làm nên chiến thắng Xuân-Hè 1972 và chiến thắng Đá Bàn giải phóng huyện Ba Tư ngày 30/10/1972, chiến thắng Giá **Vực** giải phóng 2/3 miền Tây Quảng Ngãi. Bước sang chiến dịch Thu 1974, quân và dân Quảng Ngãi cũng giành được nhiều thắng lợi trên chiến trường. Đó là chiến thắng Đình Cương (03/8/1974), chiến thắng Minh Long (18/8/1974), giải phóng toàn huyện Minh Long và khu vực Tây Nghĩa Hành.

Ngày 24/3/1975 là mốc lịch sử trọng đại, kết thúc 21 năm chống Mỹ cứu nước của quân và dân Quảng Ngãi, góp phần cùng cả nước làm nên bản anh hùng ca tuyệt vời trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; đại thắng mùa Xuân 1975, đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Với những thành tích qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các cá nhân đã vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*” trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ; 160 tập thể và 63 cá nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu “*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*”; 6.700 Bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu “*Bà mẹ Việt Nam Anh hùng*”; được Tỉnh ủy tặng bức trướng: “*Trung dũng - Kiên cường - Đoàn kết - Sáng tạo - Kỷ cương - Nêu gương - Quyết thắng*”.

### **1.3. Lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi từ 1975 đến nay**

Trong những năm đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng vũ trang tỉnh cùng nhân dân bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nêu cao ý chí tự lực tự cường, các lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đã vượt qua mọi khó khăn thử thách chắc tay súng truy quét tàn quân địch, truy quét Fulrô và các thế lực phản động chống phá cách mạng. Cùng với nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống, tham gia chiến đấu giữ yên biên cương Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế giúp nước bạn Campuchia, đồng thời tổ chức xây dựng lực lượng trong tình hình mới.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới **của Đảng, trong** xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu V, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên và sự phối hợp giúp đỡ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và nhân dân địa phương, lực lượng vũ trang tỉnh đã tăng cường công tác tư tưởng, chăm lo giáo dục, quán



triệt các nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, các chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của quân đội, nhiệm vụ của địa phương, giáo dục nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường củng cố mối quan hệ máu thịt với nhân dân, phát huy bản chất truyền thống của đội quân cách mạng của Đảng.

**Lực lượng vũ trang tỉnh đã tham mưu cho** Tỉnh ủy, UBND tỉnh đề ra nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thiết thực, phù hợp với yêu cầu của tình hình và trực tiếp tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra.

Công tác sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ) được duy trì thường xuyên và đạt kết quả cao. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác quốc phòng - quân sự (QP-QS) được quán triệt sâu rộng tới 100% cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở. Lực lượng vũ trang tỉnh đã phát huy tốt vai trò nòng cốt trong việc củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD) trên địa bàn tỉnh; tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng thực hiện nhiệm vụ tuần tra, truy quét làm trong sạch địa bàn; thường xuyên chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh, luyện tập các phương án, kế hoạch chuyển trạng thái SSCĐ, tổ chức ký kết và thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp giữa Công an, Quân sự, Biên phòng; chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao cảnh giác cách mạng, giáo dục pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, tăng cường quản lý quân nhân, **bảo đảm cán bộ**, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang tỉnh không vi phạm kỷ luật.

Công tác xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, các huyện, thành phố cơ bản liên hoàn, vững chắc và luôn được quan tâm, tăng cường. Lực lượng vũ trang tỉnh thường xuyên bổ sung, hoàn chỉnh các phương án phòng thủ sẵn sàng chiến đấu ở các khu vực xung yếu, tuyến núi, biển, hải đảo.

Lực lượng vũ trang tỉnh tập trung xây dựng, thực hiện nghiêm túc các kế hoạch huấn luyện; thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức huấn luyện gắn với xây dựng lực lượng chính quy, đảm bảo kỷ luật nghiêm minh. Đặc biệt sau từng đợt huấn luyện, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức diễn tập nhằm đánh giá kết quả một cách trung thực, khách quan; đồng thời, xác định đây là cơ sở quan trọng để đánh giá trình độ kỹ, chiến thuật của bộ đội và công tác lãnh đạo, chỉ huy điều hành huấn luyện. Qua đó, kịp thời điều chỉnh phương án tác chiến cũng như những thiếu sót trong quá trình tổ chức huấn luyện.

Lực lượng thường trực được rà soát, điều chỉnh, duy trì đúng biên chế và thường xuyên tổ chức huấn luyện nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật; lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, **bổ nhiệm**, sắp xếp theo nhu cầu. Lực lượng dân quân tự vệ được duy trì đủ thành phần, đúng biên chế trong thời bình theo tinh thần của pháp lệnh, bảo đảm trẻ hóa và có chất lượng cao; 100% xã, phường đội trưởng là đảng viên. Các tiểu đội dân quân làm nhiệm vụ chiến đấu trị an tại các thôn, bản, khu phố được tổ chức và duy trì hoạt động theo phương châm “*Dân bản, dân cứ, dân chăm lo*”; do đó, lực lượng này không chỉ gần gũi, gắn bó với nhân dân mà còn hoạt động có hiệu quả, thực sự là nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

Công tác tuyển quân và động viên quân dự bị, trang bị kỹ thuật luôn đạt chỉ tiêu, việc lựa chọn gọi công dân nhập ngũ luôn được quan tâm chú trọng. Nhờ đó, chất lượng ngày càng được nâng lên, luôn đạt và vượt chỉ tiêu cấp trên giao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, tỷ lệ thanh niên tình nguyện phục vụ quân đội lâu dài năm sau cao hơn năm trước. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng được triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, sĩ quan đảm bảo phẩm chất, năng lực toàn diện, đủ khả năng làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác quốc phòng, quân sự địa phương và tổ chức thực hiện có hiệu quả trên từng mặt công tác đảm nhiệm luôn được coi trọng. Từ tỉnh đến cơ sở đều quan tâm đến việc đào tạo lực lượng tại chức, tại chỗ; thực hiện tốt việc cấp trên bồi dưỡng cho cấp dưới, góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là năng lực quản lý Nhà nước đối với công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

Công tác đảng, công tác chính trị và các mặt công tác khác cũng được các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ; trong đó tập trung xây dựng các tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị địa phương **vững mạnh toàn diện**; thường xuyên đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng; triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hậu phương quân đội và phong trào “*Đền ơn, đáp nghĩa*”, xây dựng môi trường theo tiêu chí “*xanh, sạch, đẹp*”; bảo đảm đời sống của cán bộ, chiến sỹ luôn ổn định, đơn vị an toàn về người và vũ khí, trang bị, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới**

Trong thời gian đến, cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, Đảng bộ, nhân dân, lực lượng vũ trang Quảng Ngãi tiếp tục nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đề ra. Trước mắt, các cấp ủy đảng cần tích cực chuẩn bị về mọi mặt để tổ chức đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Hiện nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, chúng ta còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; đặc biệt là âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp cách mạng của đất nước và nhân dân ta ngày càng tinh vi và quyết liệt hơn. Trước tình hình đó, với chức năng là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, **lực lượng vũ trang tỉnh** cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu:

*Một là*, tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, đẩy mạnh xây dựng **lực lượng vũ trang tỉnh** cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. **Lực lượng vũ trang tỉnh** phải giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân. Thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đối

phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ; góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển.

*Hai là*, chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án tác chiến phòng thủ của các cấp; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, diễn tập. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, động viên, thu hút toàn dân tích cực đóng góp sức lực, cơ sở vật chất và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

*Ba là*, tăng cường và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; bồi dưỡng lòng yêu nước, truyền thống của Quân đội, mục tiêu, lý tưởng cách mạng cho các cán bộ, chiến sĩ; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*” và “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cùng cố mối quan hệ đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân; xây dựng các tổ chức đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

*Bốn là*, **lực lượng vũ trang tinh** tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, cùng với các ban, ngành, đoàn thể và toàn dân tập trung xây dựng lực lượng thường trực, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên có số lượng hợp lý, trình độ kỹ chiến thuật và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao; quan tâm tạo nguồn phát triển Đảng trong lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tham gia có hiệu quả vào các hoạt động xã hội và công tác dân vận giúp đỡ nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, xóa đói giảm nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai bão lụt, phát triển kinh tế - xã hội.

*Năm là*, đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng; thực hiện tốt các chính sách về quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội; không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ. Nâng cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “*diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...

## **BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY – BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH**

